

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THẤT
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/KDTM-ST

Ngày: 27/4/2021;

V/v: *Tranh chấp hợp đồng xây dựng*;

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THẤT – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chiến;

Bà Nguyễn Thị Mai;

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thất;

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất tham gia phiên toà:*** Ông Phùng Văn Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thất xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 96/2020/TLST- KDTM ngày 02 tháng 10 năm 2020; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐST-KDTM ngày 11 tháng 3 năm 2021; giữa:

****Nguyên đơn:*** Công ty cổ phần giải pháp công nghệ Tòa nhà A;

Địa chỉ: Số 46, ngõ 429, phố Kim Mã, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Tầng 4, khu A2, tòa nhà TheSun, đường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội; (có mặt)

Theo Giấy ủy quyền số 14/GUQ-OS ngày 01/4/2021.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:

Bà Cao Vân A – Luật sư thuộc Công ty luật TNHH Lê và Liên Danh – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội (có mặt);

****Bị đơn:*** Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng C;

Địa chỉ: Đội 5, xã Đại Đồng, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Mai Anh T – Chủ tịch hội đồng quản trị. (vắng mặt);

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Công ty TNHH Trung tâm thương mại T

Địa chỉ: Số 461 T, phường Tân Mai, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Mai Anh T – Chủ tịch Hội đồng thành viên. (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 16/10/2017, Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Tòa nhà A (sau đây gọi tắt là Công ty A) và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng C (sau đây gọi tắt là Công ty C) có ký kết hợp đồng xây dựng cung cấp và lắp đặt hệ thống phòng cháy, chữa cháy số 1610/2017/ HĐKT/CCL- ANTHỊNH và các Phụ lục hợp đồng số 01 quy định bảng tổng hợp Giá hợp đồng, Phụ lục Hợp đồng số 02 quy định các loại vật tư, thiết bị nhà thầu cam kết sử dụng để thi công công trình, Phụ lục 03 quy định mức phạt do vi phạm an toàn lao động, vệ sinh môi trường và an toàn công trình. Theo nội dung Hợp đồng và Phụ lục Hợp đồng, Công ty A thực hiện công việc là cung cấp, lắp đặt hoàn chỉnh, bảo hành, bảo trì miễn phí trong thời gian bảo hành hệ thống phòng cháy, chữa cháy thuộc công trình Trung tâm Thương mại T, tổng giá trị Hợp đồng sau khi làm tròn số là 7.968.800.000 đồng (bảy tỷ chín trăm sáu mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng) đã bao gồm cả thuế giá trị gia tăng 10%.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên tiếp tục ký kết phụ lục hợp đồng số 04-1610/2017 HĐKT/CCL-ANTHỊNH ngày 20/12/2017, Phụ lục hợp đồng số 05 - 1610/2017 HĐKT/CCL-ANTHỊNH ngày 15/01/2018 điều chỉnh, bổ sung khối lượng công việc ngoài Hợp đồng. Theo đó, phụ lục hợp đồng số 04-1610/2017 HĐKT/CCL-ANTHỊNH ngày 20/12/2017, hai bên thống nhất giá trị khối lượng công việc phát sinh là 1.330.811.036 đồng (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng 10%); Phụ lục hợp đồng số 05 - 1610/2017 HĐKT/CCL-ANTHỊNH ngày 15/01/2018 thống nhất giá trị khối lượng công việc phát sinh là 876.567.967 đồng (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng 10%). Tổng giá trị hợp đồng và các phụ lục hợp đồng hai bên đã ký kết có giá trị là: 10.176.179.039 đồng (mười tỷ, một trăm bảy mươi sáu triệu, một trăm bảy mươi chín nghìn, không trăm ba mươi chín đồng).

Thực hiện hợp đồng, Công ty A đã cung cấp, lắp đặt hoàn chỉnh hệ thống phòng cháy, chữa cháy thuộc công trình Trung tâm Thương mại T theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng và đã được các bên tiến hành nghiệm thu. Theo đó, Chủ đầu tư, Tư vấn thiết kế, Tư vấn giám sát, Tổng thầu là công ty C đã xác nhận công việc mà công ty A đã thực hiện, đạt yêu cầu về khối lượng, chất lượng, thiết kế. Công trình cũng đã được Cục cảnh sát PCCC và CNCH chấp thuận kết quả nghiệm thu về Phòng cháy, chữa cháy.

Theo Hồ sơ quyết toán khối lượng hoàn thành, hai bên đã xác nhận giá trị công việc trên thực tế công ty A thực hiện là 9.358.469.583 đồng (Chín tỷ, ba trăm năm mươi tám triệu, bốn trăm sáu mươi chín nghìn, năm trăm tám mươi ba đồng). Ngày 26/10/2017, Công ty C đã tạm ứng hợp đồng là 1.593.760.000 đồng, ngày 21/5/2018 Công ty C trả 350.000.000 đồng. Tổng số tiền công ty C đã thanh toán và tạm ứng hợp đồng cho Công ty A giá trị là 1.943.760.000 đồng (một tỷ, chín trăm bốn mươi ba triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn đồng). Số tiền Công ty C còn phải thanh toán cho Công ty A là 7.414.709.583 đồng (bảy tỷ, bốn trăm mười bốn triệu, bảy trăm không chín nghìn, năm trăm tám mươi ba đồng), bao gồm cả thuế giá trị gia tăng 10%.

Nay công trình đã được chủ đầu tư nghiệm thu và đưa vào sử dụng nhưng Công ty C không thanh toán công nợ nêu trên cho Công ty A. Mặc dù, Công ty A đã nhiều lần yêu cầu Công ty C thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng đã ký nhưng Công ty C vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho Công ty A.

Căn cứ vào thỏa thuận của hai bên tại Hợp đồng 1610/2017/HĐKT/CCL -ANTHỊNH và các Phụ lục hợp đồng, Công ty A khởi kiện yêu cầu Công ty C thanh toán trả Công ty A các khoản gồm:

1. Công nợ theo Hợp đồng là 7.414.709.583 đồng (bảy tỷ, bốn trăm mười bốn triệu, bảy trăm không chín nghìn, năm trăm tám mươi ba đồng).

2. Tiền lãi chậm trả phát sinh tạm tính từ ngày Công ty C có nghĩa vụ thanh toán đến ngày 27/4/2021, theo mức lãi suất là 8%/năm, số tiền là: 1.435.665.113 đồng

Tổng hai khoản là: 8.850.374.696 đồng (tám tỷ tám trăm năm mươi triệu ba trăm bảy mươi tư nghìn sáu trăm chín mươi sáu đồng).

Về án phí: Công ty C phải chịu toàn bộ án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty Capital (Bị đơn) và Trung tâm thương mại T (người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan) đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, đại diện theo pháp luật của hai công ty này là ông Mai Anh Tú không có quan điểm về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, có tình trốn tránh, không tham gia tố tụng để giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn có quan điểm: Công ty A và Công ty C có giao kết hợp đồng xây dựng cung cấp và lắp đặt hệ thống phòng cháy, chữa cháy, với tổng giá trị của Hợp đồng và các phụ lục hợp đồng là 10.176.179.039 đồng (mười tỷ, một trăm bảy mươi sáu triệu, một trăm bảy mươi chín nghìn, không trăm ba mươi chín đồng). Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty A đã cung cấp lắp đặt hoàn chỉnh hệ thống phòng cháy, chữa cháy thuộc công trình Trung tâm Thương mại T theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng và đã được các bên tiến hành nghiệm thu, đưa vào sử

dụng. Công ty C đã xác nhận công việc mà công ty A đã thực hiện, đạt yêu cầu về khối lượng, chất lượng, thiết kế. Công trình cũng đã được Cục cảnh sát PCCC và CNCH chấp thuận kết quả nghiệm thu về Phòng cháy, chữa cháy.

Theo hồ sơ quyết toán, Công ty C đã ký phê duyệt hồ sơ quyết toán và xác nhận giá trị công việc thực tế Công ty A đã thực hiện là 9.358.469.583 đồng. Ngày 26/10/2017, Công ty C đã tạm ứng hợp đồng là 1.593.760.000 đồng, ngày 21/5/2018 Công ty C trả 350.000.000 đồng. Theo thỏa thuận tại Hợp đồng và của pháp luật thì Công ty C có nghĩa vụ thanh toán cho công ty A đầy đủ và đúng hạn giá trị Hợp đồng theo tiến độ hoàn thành công trình của công ty A. Tuy nhiên, Công ty C đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng. Việc chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán của Công ty C đã gây thiệt hại cho công ty A, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào thỏa thuận của hai bên tại Hợp đồng số 1610/2017/HĐKT/CCL -ANTHỊNH; Điều 144 Luật xây dựng, Điều 297, 306 Luật thương mại; Điều 280, 352, 357 Bộ luật dân sự: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty A và buộc Công ty C thanh toán trả Công ty A các khoản sau:

1. Công nợ theo Hợp đồng là 7.414.709.583 đồng (bảy tỷ, bốn trăm mười bốn triệu, bảy trăm không chín nghìn, năm trăm tám mươi ba đồng).

2. Tiền lãi chậm trả phát sinh tạm tính từ ngày Công ty C có nghĩa vụ thanh toán đến ngày 27/4/2021, theo mức lãi suất là 8%/năm, số tiền là: 1.435.665.113 đồng

Tổng hai khoản là: 8.850.374.696 đồng (tám tỷ tám trăm năm mươi triệu ba trăm bảy mươi tư nghìn sáu trăm chín mươi sáu đồng).

Quan điểm của Viện kiểm sát: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền vừa nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Công ty A và Công ty C có giao kết Hợp đồng xây dựng về việc cung cấp và lắp đặt hệ thống phòng cháy, chữa cháy cho Trung tâm thương mại T. Việc giao kết hợp đồng là tự nguyện và nội dung thỏa thuận tại Hợp đồng và các phụ lục hợp đồng đều phù hợp quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện Hợp đồng Công ty A đã cung cấp lắp đặt hoàn chỉnh hệ thống phòng cháy, chữa cháy thuộc công trình Trung tâm Thương mại T, các bên đã tiến hành nghiệm thu. Chủ đầu tư, Tư vấn thiết kế, Tư vấn giám sát, Tổng thầu là công ty C đã xác nhận công việc mà công ty A đã thực hiện, đạt yêu cầu về khối lượng, chất lượng, thiết kế. Công trình cũng đã được Cục cảnh sát PCCC và CNCH chấp thuận kết quả nghiệm thu về Phòng cháy, chữa cháy. Tuy nhiên, phía Công ty C không thực hiện nghĩa vụ thanh toán là vi phạm Hợp đồng nên nay Công ty A khởi kiện yêu cầu Công ty C thực hiện

nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ.

Căn cứ vào các Điều 144, điều 146 Luật xây dựng 2014; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 306, điều 319 Luật thương mại; Điểm c khoản 1, điều 27 Nghị định số 48 ngày 07/5/2010 về hợp đồng trong hoạt động xây dựng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

Buộc Công ty C thanh toán trả Công ty A số tiền nợ gốc theo hợp đồng và nợ lãi phát sinh kể từ thời điểm chậm thanh toán đến khi thanh toán xong nghĩa vụ.

Về án phí: Buộc Công ty C phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp; Công ty A và Công ty C đều có giấy phép đăng ký kinh doanh và có giao kết hợp đồng kinh tế về xây dựng với mục đích lợi nhuận. Do Công ty C không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng nên Công ty A khởi kiện yêu cầu Công ty thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng đã ký nên đây là đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại, theo qui định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là Công ty C; địa chỉ: xã Đại Đồng, huyện Thạch Thất; Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự. Tuy nhiên, phía bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Do vậy, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Thời hạn của Hợp đồng xây dựng số 1610/2017/HĐKT/CCL -ANTHỊNH ngày 16/10/2017 giữa Công ty A và Công ty C kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực đến ngày các bên ký thanh lý hợp đồng. Năm 2018 các bên đã ký Hồ sơ Quyết toán khối lượng hoàn thành do Công ty C chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên hai bên chưa ký biên bản thanh lý hợp đồng.

Ngày 27/7/2020, Công ty A khởi kiện yêu cầu Công ty C thanh toán nợ là nằm trong trong thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 319 Luật thương mại.

Về nội dung: Công ty A yêu cầu Công ty C trả số tiền 8.934.217.191 đồng (tám tỷ chín trăm ba mươi tư triệu hai trăm mười bảy nghìn một trăm chín mươi một đồng); trong đó 7.414.709.583 đồng (tiền nợ theo Hợp đồng xây dựng) và 1.435.665.113 đồng là tiền lãi chậm trả tính từ ngày 06/8/2018 đến ngày 27/4/2021 theo mức lãi suất 8%/năm.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập.

[2.1] Xét các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và lời trình bày của nguyên đơn thì giữa Công ty A và Công ty C có ký kết hợp đồng xây dựng cung cấp và lắp đặt hệ thống phòng cháy, chữa cháy. Theo nội dung thỏa thuận tại Hợp đồng xây dựng số 1610/2017/HĐKT/CCL - ANTHỊNH thì Công ty A có cung cấp, lắp đặt hoàn chỉnh, bảo hành, bảo trì miễn phí trong thời gian bảo hành hệ thống phòng cháy, chữa cháy thuộc công trình Trung tâm Thương mại T với tổng giá trị của hợp đồng là 10.176.179.039 đồng (mười tỷ, một trăm bảy mươi sáu triệu, một trăm bảy mươi chín nghìn, không trăm ba mươi chín đồng). Hợp đồng xây dựng hai bên ký kết là tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 139,141 Luật xây dựng nên có hiệu lực.

Quá trình thực hiện Hợp đồng Công ty A đã cung cấp lắp đặt hoàn chỉnh hệ thống phòng cháy, chữa cháy thuộc công trình Trung tâm Thương mại T, các bên đã tiến hành nghiệm thu. Chủ đầu tư, Tư vấn thiết kế, Tư vấn giám sát, Tổng thầu là công ty C đã xác nhận công việc mà công ty A đã thực hiện, đạt yêu cầu về khối lượng, chất lượng, thiết kế. Công trình cũng đã được Cục cảnh sát PCCC và CNCH chấp thuận kết quả nghiệm thu về Phòng cháy, chữa cháy. Hai bên đã lập hồ sơ quyết toán khối lượng công việc hoàn thành.

Theo hồ sơ quyết toán khối lượng công việc hoàn thành đã được hai bên ký xác nhận, thì tổng giá trị công việc Công ty A đã thực hiện có giá trị là 9.358.469.583 đồng (Chín tỷ, ba trăm năm mươi tám triệu, bốn trăm sáu mươi chín nghìn, năm trăm tám mươi ba đồng). Công ty C đã thanh toán và tạm ứng hợp đồng cho Công ty A giá trị là 1.943.760.000 đồng (một tỷ, chín trăm bốn mươi ba triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn đồng). Số tiền Công ty C còn phải thanh toán cho Công ty A là 7.414.709.583 đồng (bảy tỷ, bốn trăm mười bốn triệu, bảy trăm không chín nghìn, năm trăm tám mươi ba đồng), bao gồm cả thuế giá trị gia tăng 10%. Tuy nhiên, Công ty C đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty A đúng thời gian theo thỏa thuận tại Hợp đồng. Như vậy, Công ty C đã vi phạm Hợp đồng (vi phạm nghĩa vụ

thanh toán) nên Công ty A yêu cầu Công ty C thanh toán số tiền 7.414.709.583 đồng (bảy tỷ, bốn trăm mười bốn triệu, bảy trăm không chín nghìn, năm trăm tám mươi ba đồng) là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 144 Luật Xây dựng năm 2014, Điều 50 Luật Thương mại, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu tiền lãi chậm trả của Công ty A, xét thấy: Tại điểm 10.4, Điều 10 của Hợp đồng xây dựng số 1610/2017/HĐKT/CCL - ANTHINH, quy định “*Phạt chậm thanh toán: Bất kỳ đợt thanh toán chậm nào cũng không được quá 15 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán theo quy định tại Điều 5 của Hợp đồng. Nếu quá thời hạn 15 ngày nêu trên. Bên A sẽ phải trả cho bên B khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả với lãi suất cố định là 20% tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán...*”. Công ty C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng mà hai bên đã ký kết nên nay Công ty A yêu cầu Công ty C phải trả khoản tiền lãi chậm trả là có căn cứ. Do vậy, căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 và Điều 146 Luật xây dựng năm 2014, Điều 306 của Luật thương mại cần buộc Công ty C phải trả khoản tiền lãi chậm trả cho Công ty A.

Theo thỏa thuận tại Điều 5 của Hợp đồng thì sau khi hai bên nghiệm thu hoàn thành hạng mục đưa vào sử dụng, hồ sơ hoàn công, hồ sơ quyết toán được phê duyệt thì Công ty C phải thanh toán cho Công ty A 80% giá trị quyết toán và ngày 06/6/2018, hai bên đã ký biên bản nghiệm thu, biên bản quyết toán khối lượng công việc hoàn thành và chậm nhất là ngày 06/7/2018 Công ty C phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả cho Công ty A. Công ty C đã không thực hiện, do vậy xác định Công ty C chậm thực hiện nghĩa vụ từ ngày 06/7/2018 đến nay và mức lãi suất mà Công ty C phải chịu là 20%. Tuy nhiên nay Công ty A chỉ yêu cầu Công ty C trả lãi theo mức lãi suất 8%/năm kể từ ngày 06/8/2018 đến ngày trả hết nợ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, tổng số tiền Công ty C phải trả cho Công ty A gồm:

1. Công nợ theo Hợp đồng là 7.414.709.583 đồng (bảy tỷ, bốn trăm mười bốn triệu, bảy trăm không chín nghìn, năm trăm tám mươi ba đồng).

2. Tiền lãi chậm trả phát sinh tạm tính từ ngày Công ty C có nghĩa vụ thanh toán:

- Từ ngày 06/8/2018 đến ngày 23/01/2020: 5.893.015.700 đồng (80% giá trị quyết toán) x 534 ngày x 8%/năm = 689.725.015 đồng.

- Từ ngày 24/01/2020 đến ngày 27/4/2021: 7.414.709.583 đồng x 456 ngày x 8%/năm = 745.940.098 đồng.

Tổng tiền lãi là 689.725.015 đồng + 745.940.098 đồng = 1.435.665.113 đồng.

Tổng hai khoản là: 8.850.374.696 đồng (tám tỷ tám trăm năm mươi triệu ba trăm bảy mươi tư nghìn sáu trăm chín mươi sáu đồng).

[3] *Về án phí*: Công ty C phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là: **116.850.400** đồng (Một trăm mười sáu triệu tám trăm năm mươi nghìn bốn trăm đồng).

Công ty A không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 144, điều 146, điều 147 Luật xây dựng 2014; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 306 Luật thương mại; Điểm c khoản 1, điều 27 Nghị định số 48 ngày 07/5/2010 về hợp đồng trong hoạt động xây dựng

Căn cứ Khoản 1 Điều 30, 35, 39; Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Tòa nhà A đối với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng C.

Buộc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng C thanh toán trả Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Tòa nhà A tổng số tiền là: **8.850.374.696** đồng (tám tỷ tám trăm năm mươi triệu ba trăm bảy mươi tư nghìn sáu trăm chín mươi sáu đồng); trong đó: Công nợ theo Hợp đồng là **7.414.709.583** đồng (bảy tỷ, bốn trăm mười bốn triệu, bảy trăm không chín nghìn, năm trăm tám mươi ba đồng) và tiền lãi chậm trả phát sinh tạm tính đến ngày 27/4/2021 là: 1.435.665.113 đồng (một tỷ bốn trăm ba mươi lăm triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn một trăm mười ba đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi (tính từ ngày 28/4/2021) của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng C phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là: **116.850.400** đồng (Một trăm mười sáu triệu tám trăm năm mươi nghìn bốn trăm đồng).

Trả lại Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Tòa nhà A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **58.234.000 đồng** (Năm mươi tám triệu hai trăm ba mươi tư nghìn đồng). Theo biên lai thu số AA/2016/0011616 ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội.

3.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKS ND huyện Thạch Thất;
- Chi cục thi hành án DS huyện Thạch Thất;
- Các đương sự;
- Lưu: HS - VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Thủy